

Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư IPA Partner

ĐIỀU LỆ QUỸ

QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND (VNDAF)

(Bản trình Đại hội Nhà đầu tư Quỹ năm 2026)

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	5
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	5
QUY ĐỊNH CHUNG.....	9
Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ	9
Điều 2: Thời hạn của Quỹ.....	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán	9
Điều 5. Chi định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ	9
Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ	10
Điều 7. Ngân hàng giám sát.....	10
CHƯƠNG II	10
QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ.....	10
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	10
Điều 9. Chiến lược đầu tư.....	10
Điều 10. Hạn chế đầu tư	12
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ.....	14
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	14
Chương III	14
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	14
Điều 13. Nhà đầu tư.....	14
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư.....	15
Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư	15
Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	16
Điều 17. Mua lại một phần, Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.....	17
Điều 18. Giá phát hành lần đầu, giá bán, giá mua lại Đơn vị quỹ	18
Điều 19. Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi Đơn vị quỹ.....	18
Điều 20: Chuyển nhượng phi thương mại	18
Chương IV	19
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	19
Điều 21. Đại hội Nhà đầu tư.....	19
Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	20
Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	20
Điều 24. Phân đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	21

Chương V.....	22
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	22
Điều 25. Ban Đại diện Quỹ	22
Điều 26. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ.....	22
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ	22
Điều 28. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ	23
Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ	23
Điều 30. Hợp Ban Đại Diện Quỹ	23
Chương VI.....	24
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	24
Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ	24
Điều 32 Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	24
Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	25
Điều 34. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ	25
Chương VII	26
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	26
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát	26
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	27
Điều 37. Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát.....	28
Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát.....	29
Chương VIII.....	29
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN	29
Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền	29
Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.....	30
Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.....	30
Điều 42. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	31
Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	32
Chương IX.....	32
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	32
Điều 44. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chi Quỹ	32
Điều 45. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối	33
Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chi Quỹ	34
Chương X.....	36
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	36
Điều 47. Chế độ kế toán.....	36

Điều 48. Công ty kiểm toán.....	36
Điều 49. Năm tài chính.....	36
Điều 50. Báo cáo tài chính.....	36
Điều 51. Báo cáo khác.....	37
Chương XI.....	37
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	37
Điều 52. Xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”).....	37
Điều 53. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ.....	37
Điều 54. Quy trình định giá tài sản Quỹ.....	38
Điều 55. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ.....	38
Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	38
CHƯƠNG XII.....	39
LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ.....	39
Điều 57. Phân phối lợi nhuận.....	39
Điều 58. Chi phí hoạt động của Quỹ.....	39
CHƯƠNG XIII.....	41
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	41
Điều 59. Các điều kiện để tái cơ cấu Quỹ.....	41
Điều 60. Điều kiện giải thể Quỹ.....	41
Điều 61. Kiểm soát xung đột lợi ích.....	42
Điều 62. Thông báo và công bố thông tin.....	42
Điều 63. Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ.....	43
Điều 64. Hiệu lực của Điều Lệ.....	43
Phụ lục 1.....	44
Phụ lục 2.....	46
Phụ lục 3.....	47
Phụ lục 4.....	478

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);
3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;
4. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2026;
5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025;
6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03/09/2025.
7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công Ty Quản Lý Quỹ;
8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;
9. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
10. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024;
11. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
12. Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/04/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;
13. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ”	Là Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF) hoạt động theo cơ chế Quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán.
“Công ty quản lý quỹ”	Nghĩa là Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư IPA Partner được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH Quản Lý Quỹ

Đầu Tư IPA Partner được uỷ thác quản lý Quỹ Đầu tư Chủ động VND, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.

“Ngân hàng giám sát”

là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi tắt là Ngân hàng BIDV Hà Thành) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/05/2015 và Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.

“Công ty Kiểm toán”

Là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) quyết định hàng năm theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

“Đại lý chuyên nhượng”

Là tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyên nhượng cho Quỹ theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan

“Đại lý phân phối”

Là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan

“Điều lệ/Điều lệ Quỹ”

Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).

“Bản cáo bạch”

Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.

“Hợp đồng giám sát”

Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ

“Nhà đầu tư”

Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ

“Đại hội nhà đầu tư”

Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.

“Ban đại diện Quỹ”

Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

“Vốn điều lệ”

Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.

“Đơn vị Quỹ”

Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.

“Chứng chỉ Quỹ”	(Sau đây gọi là Chứng chỉ) là chứng khoán do Công ty quản lý quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là khoản tiền phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành/Giá dịch vụ mua lại”	Là khoản tiền mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho quỹ. Giá dịch vụ phát hành/Giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều lệ này.
Chi phí ngầm	Là các khoản phí được thể hiện là không phải thanh toán trực tiếp bằng tiền, mà đã được tính gộp chung với các chi phí hợp lệ khác.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV)”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ, bao gồm các Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ và các ngày khác mà Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định cho mục đích báo cáo hoặc các mục đích khác.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày định giá mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện giao dịch.
Điểm nhận lệnh	Là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu Tư.

Tổ chức cung cấp báo giá	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối, các hệ thống báo giá trái phiếu được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch
Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan	Là ngân hàng lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số các hoạt động thuộc dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này, áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như Bản cáo bạch, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn (trừ khi được quy định khác) là các Phụ lục, Điều, Khoản của Điều lệ này.

Khi sử dụng các cụm từ “của Điều lệ này” “theo Điều lệ này” “trong Điều lệ này” và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập đến toàn bộ Điều lệ và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thỏa thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thỏa thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào.

Dẫn chiếu đến bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ của Quỹ

- Tên quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND**
- Tên viết tắt: **VNDAF**
- Tên tiếng Anh: **VND ACTIVE FUND**
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Địa chỉ liên hệ:

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư IPA Partner

Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 7305 6188

Điều 2: Thời hạn của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp luật;
2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư;
3. Ban Đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời thực thi các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ này và quy định của pháp luật;
4. Công ty Quản lý Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản khác có liên quan;
5. Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ giám sát hoạt động của Quỹ, do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán

1. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Vốn Điều Lệ sẽ được chia thành các Đơn Vị Quỹ.
Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ sẽ là 10.000 VND (mười nghìn đồng Việt Nam).
2. Nhà đầu tư sẽ góp vốn bằng Đồng Việt Nam theo cách thức chuyển vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
3. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Đơn Vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
4. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo lên UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

- Tên công ty: **Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư IPA Partner**
- Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008
- Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 7305 6188

Điều 7. Ngân hàng giám sát

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)
- Trụ sở đăng ký: 74 Thọ Nhuộm, Phường Cửa Nam, Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/05/2015
- Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006.
- Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký số 19/GCNTVLK-CN-3 đăng ký lần đầu ngày 30/08/2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 30/12/2014
- Điện thoại: 04 - 39411840
- Fax: 04 - 39411847

CHƯƠNG II**QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ HẠN MỨC ĐẦU TƯ****Điều 8. Mục tiêu đầu tư**

Quỹ đầu tư chủ động VND (VNDAF) hướng đến việc tối đa hóa giá trị danh mục đầu tư, tối ưu hóa lợi nhuận cho Nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư lãi suất cố định đồng thời tuân thủ kỷ luật đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ đã công bố. Trong điều kiện thị trường chứng khoán có những biến động khó lường, Quỹ xác định đầu tư vào những cổ phiếu niêm yết có yếu tố cơ bản thuận lợi, những công ty có sự tăng trưởng lợi nhuận và doanh thu nổi bật, kết hợp với sự cải thiện giao dịch trong thanh khoản và diễn biến giá.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư của Quỹ VNDAF được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa yếu tố cơ bản và lựa chọn thời điểm phân bổ tỷ trọng cổ phiếu trong quá trình đầu tư. Thay cho việc đầu tư dàn trải vào một danh mục quá đa dạng các mã chứng khoán, Quỹ tập trung vào một danh mục bao gồm số lượng vừa phải các cổ phiếu đạt tiêu chí đầu tư. Quỹ hạn chế giải ngân, giảm tỷ trọng trong giai đoạn dự báo thị trường chung giảm điểm hoặc dùng các công cụ phái sinh hỗ trợ, và sẽ tích cực phân bổ trở lại khi kỳ vọng thị trường phục hồi. Yếu tố chủ đạo giúp Quỹ có kỳ vọng lợi nhuận tốt hơn thị trường sẽ là việc lựa chọn được cổ phiếu của công ty có tiềm năng tăng trưởng hoạt động kinh doanh tốt, định giá hấp dẫn kết hợp với việc phản ứng linh hoạt, điều chỉnh tỷ trọng đầu tư trong giai đoạn thị trường biến động mạnh.
2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư: Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề pháp luật không cấm.
3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư:
 - a. Tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về Ngân hàng;
 - b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

- c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương;
 - d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
 - e. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định của pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định của pháp luật
 - f. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
 - g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
 - h. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.
4. Trường hợp quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a. Được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.
 - b. Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - c. Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
 - d. Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.
 - e. Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định

tại điểm điểm e Khoản 3 Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.

5. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh quy định tại điểm f khoản 3 Điều này phải đảm bảo đáp ứng các quy định sau:
 - a. Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;
 - b. Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ.
 - c. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:
 - a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này;
 - b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản quỹ và chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.
 - d. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f và h khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định của pháp luật hiện hành; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền.
 - e. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này

- và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;
- f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ; Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e, g và h khoản 3 Điều 9 Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ.
 - g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - h. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
 - i. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - j. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
 - k. Danh mục của Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.
 - l. Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm
2. Cơ cấu đầu tư của quỹ mở chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã được quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và i khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a. Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b. Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
 - c. Do thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư.
 - d. Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - e. Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
 3. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
 4. Trong trường hợp sai lệch do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
 5. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 9 Điều lệ.
2. Công ty quản lý Quỹ không được phép vay để đầu tư trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả không được quá 5,0% (năm phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 (ba mươi) ngày.
3. Tài sản của Quỹ không được sử dụng để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác.
4. Không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống và cho vay chứng khoán.
5. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Phương pháp đầu tư được lựa chọn là phương pháp kết hợp chặt chẽ giữa phân tích cơ bản và lựa chọn thời điểm phân bổ tỷ trọng cổ phiếu.

Việc lựa chọn cổ phiếu được dựa trên phân tích tài chính doanh nghiệp và đánh giá chất lượng quản trị của công ty. Với kinh nghiệm đầu tư cùng sự hỗ trợ của đội ngũ phân tích giàu kinh nghiệm của Công ty Quản lý Quỹ, những cổ phiếu được quỹ VNDAF lựa chọn sẽ đáp ứng được một số tiêu chí như sau:

1. Năng lực quản trị doanh nghiệp tốt, ban lãnh đạo tâm huyết với sự phát triển của công ty, hoạt động minh bạch.
2. Tình hình tài chính doanh nghiệp lành mạnh, khả năng chiếm lĩnh thị phần tốt so với các đối thủ cùng ngành.
3. Tự chủ về nguồn vốn tài trợ kinh doanh, khả năng kiểm soát chi phí hiệu quả thúc đẩy tăng trưởng.
4. Định giá hấp dẫn, có tỷ lệ chiết khấu cao so với giá trị có thể đạt được trong tương lai.

Trên cơ sở danh mục cổ phiếu được lựa chọn, hoạt động giải ngân đầu tư sẽ được cân nhắc thời điểm thực hiện để đảm bảo tối ưu hóa lợi ích và rủi ro để thích ứng tốt nhất với những biến động của thị trường chứng khoán.

Chương III**NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ****Điều 13. Nhà đầu tư**

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là các cá nhân hoặc pháp nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân sẽ cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ quỹ

mà mình sở hữu. Bất kỳ sự bỏ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư pháp nhân đó.

3. Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chi Quỹ và trở thành Nhà đầu tư.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:

- a. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ và hưởng lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
- b. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chi Quỹ;
- c. Thực hiện quyền quy định tại Điều 22 Điều lệ này thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- d. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:

- a. Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư
- b. Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ quỹ;
- c. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này.

Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà đầu tư

1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập và quản lý Sổ Đăng ký nhà đầu tư Chính (“Sổ chính”) hoặc đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư phụ (“Sổ Phụ”) để xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với Chứng Chi Quỹ.
2. Sổ Chính, Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ.
 - b. Thông tin về Nhà đầu tư bao gồm:
 - Đối với Nhà đầu tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có);
 - Đối với Nhà đầu tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; tên đầy đủ, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng Chi Quỹ của tổ chức đó.
 - c. Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Nhà đầu tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài;
 - d. Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ chính hoặc Sổ phụ.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về từng Nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà

đầu tư. Quyền sở hữu này được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật trong Sổ chính.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.
2. Tần suất giao dịch của Quỹ:
 - a. Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày, vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (“Ngày giao dịch”)
 - b. Trong trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó trừ khi Công ty quản lý quỹ có thông báo khác. Nếu ngày làm việc gần nhất rơi vào 1 ngày trước ngày giao dịch thường lệ của tuần tiếp theo thì Ngày giao dịch sẽ lấy luôn là ngày giao dịch thường lệ của tuần tiếp theo đó. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về ngày giao dịch trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc/và bằng thư điện tử.
 - c. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo bạch, thông báo cho ngân hàng giám sát và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội nhà đầu tư gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.
3. Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ.
4. Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận với Công ty quản lý quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc đã nhận được đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.
5. Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là do Nhà đầu tư đó nắm giữ.
6. Lệnh chuyển đổi nhằm bán Chứng chỉ quỹ này để mua Chứng chỉ quỹ của quỹ khác của cùng 1 Công ty quản lý quỹ đang quản lý được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại lý chuyển nhượng xác nhận là do Nhà đầu tư nắm giữ và các quỹ kia có quy định cho phép chuyển đổi và Đại lý chuyển nhượng xác nhận cả Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận. Lệnh bán sẽ được thực hiện trước, sau đó mới tới lệnh mua được thực hiện. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ của các quỹ tương ứng. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán Giá dịch vụ chuyển đổi, phí chuyển tiền và thuế (nếu có phát sinh) theo quy định mà không phải thanh toán Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.
7. Các lệnh giao dịch nhận được trước Thời điểm đóng Sổ lệnh được thực hiện vào Ngày giao dịch. Các lệnh nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện vào Ngày giao dịch tiếp theo trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.
8. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh không muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày gần nhất trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được công bố công khai tại Bản cáo bạch.

9. Tất cả các thanh toán để mua Đơn Vị Quỹ đều phải được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát trừ các giao dịch trên tài khoản ký danh thì thanh toán vào tài khoản của Đại lý ký danh mở tại Ngân hàng Giám sát.
10. Nhà đầu tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là "SIP"). Theo đó, nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Chứng chỉ Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh, các loại Giá dịch vụ của giao dịch áp dụng đối với chương trình SIP sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Điều 17. Mua lại một phần, Tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
 - a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
 - b. Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị NAV xuống dưới 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng); hoặc
 - Giá trị NAV còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn số đơn vị quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư đã được quy định tại Điều lệ Quỹ (nếu có); hoặc
 - Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) đã quy định tại Điều lệ Quỹ và công bố tại Bản cáo bạch; hoặc
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố tại bản cáo bạch.
2. Việc thực hiện một phần lệnh bán và lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch theo cùng 1 tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh đặt bán hoặc chuyển đổi mới. Trong trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần, quy định về số dư Chứng chỉ quỹ tối thiểu trên tài khoản sẽ không áp dụng.
3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán nhưng không vượt quá 30 ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Các điều kiện bất khả kháng;
 - b. NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các sổ giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ; hoặc
 - c. NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các sổ giao dịch chứng khoán đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
5. Các nguyên nhân của việc tạm dừng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ lập cho Quỹ trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ báo cáo Ban Đại Diện

Quỹ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra các sự kiện có thể tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ theo quy định của Pháp Luật

6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ tối đa sẽ là 90 ngày.
7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 18. Giá phát hành lần đầu, giá bán, giá mua lại Đơn vị quỹ

1. Giá phát hành lần đầu ra công chúng của một Đơn vị quỹ bằng Mệnh giá của Đơn vị quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành (nếu có)
2. Giá bán một Đơn vị quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành (nếu có)
3. Giá mua lại một Đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại (nếu có)

Điều 19. Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi Đơn vị quỹ

1. Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ phát hành, Giá dịch vụ chuyển đổi có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ, mục tiêu đầu tư, hoặc giá trị khoản đầu tư. Các mức Giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản cáo bạch, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ, Đại lý phân phối. Giá dịch vụ phát hành không được vượt quá 5% giá trị giao dịch. Giá dịch vụ mua lại, Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá 3% giá trị giao dịch.
2. Các khoản Giá dịch vụ nêu trên sẽ được trả cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại lý Phân phối. Phần thanh toán cho Đại lý phân phối sẽ được tính trên Hợp đồng Đại lý phân phối được ký giữa Công ty quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

Điều 20: Chuyển nhượng phi thương mại

1. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ
 - a. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
 - b. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.
2. Cho tặng Chứng chỉ Quỹ
 - a. Bên được cho tặng phải cung cấp các giấy tờ và làm các thủ tục cần thiết để mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
 - b. Bên cho tặng nộp đơn đề nghị cho tặng tại Đại lý phân phối.
 - c. Số lượng Chứng chỉ Quỹ cho tặng không thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán Chứng chỉ Quỹ trừ trường hợp cho tặng toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản.

Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự quy định tại Điều 16, Điều 17 của Điều lệ này.

Chương IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội Nhà đầu tư

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được tổ chức bởi Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
2. Quỹ không bắt buộc phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên. Việc họp Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban Đại diện Quỹ nếu không liên quan đến một trong những nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 22 của Điều lệ này.
3. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
 - a. Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ.
 - b. Nhà đầu tư hay nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Đơn vị quỹ đang lưu hành có quyền yêu cầu Công ty Quản lý quỹ triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Có căn cứ xác thực về việc Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc Nhóm nhà đầu tư phải được lập bằng văn bản và phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

4. Thông báo mời họp Đại hội Nhà đầu tư, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được Công Ty Quản Lý Quỹ gửi đến Nhà đầu tư theo các phương thức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác tới địa chỉ liên hệ, số fax, địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng ký với Quỹ hoặc được cập nhật tại Sổ đăng ký Nhà đầu tư.

Trường hợp thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được gửi tới đúng địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng ký, việc gửi đó được coi là đã thực hiện hợp lệ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 điều này phải được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.
6. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2,3 và 4 Điều 22 của Điều lệ này, trong các trường hợp khác, Công ty Quản lý quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản thay vì tổ chức họp.

Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư

Nhà đầu tư đăng ký mua Đơn Vị Quỹ được hiểu là đã thông qua Điều Lệ và các điều kiện mà theo đó Quỹ được quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hợp đồng và dịch vụ do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên khác cung cấp.

Các quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, Hợp đồng giám sát, phương án phân phối lợi nhuận.
2. Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ.
3. Tăng mức Giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát.
4. Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ.
5. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ, tách quỹ.
6. Giải thể quỹ.
7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ.
8. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ.
9. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư.
10. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
11. Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định một số vấn đề nếu luật cho phép và nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội nhà đầu tư phải được báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất 07 ngày làm việc trước khi tiến hành đại hội.
2. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này Đại hội nhà đầu tư được tiến hành họp không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
4. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty kiểm toán và công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không có quyền biểu quyết.
5. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, biểu quyết sẽ được thực hiện dưới hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất. Theo yêu cầu của Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ bất kỳ biểu quyết nào dưới hình thức giơ tay sẽ được chuyển thành biểu quyết dưới hình thức bỏ phiếu hoặc bất kỳ hình thức đáng tin cậy nào khác đã được thống nhất.
6. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, quyết định tại Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư dự họp tán thành
7. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 22 Điều lệ này, quyết định tại Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư dự họp tán thành.
8. Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
9. Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ biểu quyết những vấn đề được ghi rõ trong thông báo mời họp.
10. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại diện quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN.

Điều 24. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định về các nội dung quy định tại điểm 2,3,4 Điều 22 có thể yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ khác cùng thuộc quản lý của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu này phải được thể hiện bằng văn bản ghi rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số tài khoản lưu ký và số lượng Đơn Vị Quỹ và gửi cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại lý phân phối trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư ra quyết định đó.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc đại lý phân phối. Trong trường hợp Chứng Chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo Khoản 1 của Điều này, Nhà đầu tư đó không phải trả Giá dịch vụ mua lại hoặc Giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25. Ban Đại diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có tối thiểu 3 (ba) thành viên và tối đa là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên là thành viên độc lập.
2. Ban Đại Diện Quỹ sẽ bao gồm:
 - a. Tối thiểu 1 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
 - b. Tối thiểu 1 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; và
 - c. Tối thiểu 1 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Điều 26. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b. Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c. Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu.
2. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ được bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 5 (năm) năm và có thể được bầu lại cho số lượng nhiệm kỳ không bị giới hạn.
3. Thành viên không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chức tuy nhiên với điều kiện đơn từ chức phải được gửi cho Chủ Tịch và Công Ty Quản Lý Quỹ trước ít nhất 60 (sáu mươi) ngày.
4. Trong trường hợp người được đại diện theo uỷ quyền của Nhà đầu tư tổ chức là thành viên Ban đại diện quỹ, việc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đó của Nhà đầu tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên của Ban đại diện quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm đại diện theo uỷ quyền mới của Nhà đầu tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban đại diện quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban đại diện quỹ nếu được Đại hội Nhà đầu tư bầu theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư, có mặt trực tiếp hoặc thông qua phương thức liên lạc khác đã được thống nhất để tham gia vào các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; phê duyệt danh sách ngân hàng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, c Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận và/hoặc các giao dịch khác mà cần phải có sự phê duyệt của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của pháp luật.
3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, phê duyệt thời điểm và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát phù hợp với quy định của Pháp luật;

4. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
5. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với Pháp Luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Chủ Tịch là thành viên độc lập, sẽ có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ;
 - b. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp thông tin về Quỹ và về quá trình thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư; và
 - c. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Trong trường hợp Chủ Tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nhiệm vụ được giao, một thành viên Ban Đại Diện Quỹ do Chủ Tịch ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ Tịch.

Trong trường hợp thành viên đó vắng mặt, các thành viên còn lại của Ban Đại Diện Quỹ sẽ lựa chọn, theo nguyên tắc nhất trí, một thành viên độc lập trong số họ tạm thời giữ vị trí Chủ Tịch và chỉ được tạm thời giữ như thế trong trường hợp Chủ Tịch vẫn tiếp tục vắng mặt, cho đến khi Chủ Tịch mới được bầu tại Đại Hội Nhà Đầu Tư kế tiếp.

Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trong một trong những trường hợp sau:

- a. Miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b. Hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- c. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 2 (hai) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
- d. Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 26 của Điều Lệ này, chết, bị tòa tuyên bố mất tích hoặc mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp Luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc
- e. Bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ.

Điều 30. Họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết.
2. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác.
3. Nghị quyết, quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực

hiện trên giấy hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp khác. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu bầu. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu bầu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ Tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp.

4. Nghị quyết, quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua.
5. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ Tịch và thư ký được bổ nhiệm cho cuộc họp, cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
2. Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 32 Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:
 - a. Nhận Giá dịch vụ quản lý như quy định tại Điều Lệ này;
 - b. Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ.
 - c. Tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;
 - d. Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
 - e. Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch của Quỹ và pháp luật.
 - f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - a. Luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà đầu tư, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và Ban Quản trị có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư, tuân thủ Điều Lệ này, Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ Pháp Luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

- b. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính.
- c. Thực hiện hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật này, Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, hợp đồng ký với khách hàng uỷ thác đầu tư và hợp đồng ký với ngân hàng giám sát
- d. Các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ lục 1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ này.
- e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:
 - a. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc
 - b. Giấy phép thành lập và hoạt động bị thu hồi; hoặc
 - c. Hợp nhất hoặc sáp nhập với một công ty khác mà quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ không được chuyển giao đầy đủ cho công ty kế thừa của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo đó được chấm dứt.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác. Công ty quản lý quỹ thay thế phải đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 31 của Điều Lệ này. Công ty quản lý quỹ bị thay thế có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ chứng từ và các thông tin liên quan đến Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo công ty quản lý quỹ thay thế có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
3. Thời hạn thông báo về việc chấm dứt sẽ là 6 (sáu) tháng, hoặc một thời hạn cụ thể khác theo yêu cầu của Pháp Luật.
4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 của Điều này, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản tiền (ngoài các khoản tiền dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) theo tỷ lệ như sau:

Chi phí bồi thường	Thời điểm thay thế Công ty quản lý Quỹ
3%/NAV	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.5%/NAV	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Điều 34. Hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với của Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản

- Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định khác, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định của tại Điều lệ này.
 3. Mọi giao dịch chứng khoán do thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc phó Tổng giám đốc hoặc nhân viên làm việc tại Công ty Quản Lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo lên phòng kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch diễn ra và phải quản lý tập trung tại Công Ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của phòng kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nói trên phải bao gồm loại chứng khoán, giá chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch và tổng giá trị giao dịch và phải được lưu trong vòng 15 (mười lăm) năm và được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
 4. Trong quá trình kinh doanh, Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc nhận, dưới danh nghĩa của bất kỳ cá nhân nào hay của Công Ty Quản Lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hoặc lợi ích nào ngoại trừ (các) khoản tiền dịch vụ và thường như quy định trong Bản Cáo Bạch của Quỹ.
 5. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép:
 - a. sử dụng tài sản của Quỹ để tái đầu tư vào Quỹ;
 - b. sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ đại chúng khác hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - c. sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
 - d. sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác.
Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
 - e. Thực hiện bất cứ hoạt động nào vi phạm Pháp luật và vi phạm các hạn chế trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

Chương VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Không được là người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ;
3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục của Điều Lệ này.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

- a. Ngân Hàng Giám Sát luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư trong việc giám sát, quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ bao gồm cả trường hợp Ngân Hàng Giám sát ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo nhân sự, tổ chức và hệ thống quản trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư và tuân thủ theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
 - b. Ngân Hàng Giám Sát sẽ đóng vai trò là ngân hàng giám sát và lưu ký cho các tài sản của Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát phải tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát.
 - c. Ngân Hàng Giám Sát phải chịu trách nhiệm cho những thiệt hại gây ra cho Quỹ liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát không tuân thủ Pháp Luật, Điều Lệ này và Hợp Đồng Giám Sát.
 - d. Ngân Hàng Giám Sát phải xử lý các chi thị hợp pháp và hợp lệ của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc từ chối các chi thị đó nếu có cơ sở tin rằng những chi thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối cùng với lý do phải được gửi bằng văn bản tới Công Ty Quản Lý Quỹ đồng thời gửi bản sao văn bản này đến UBCKNN để biết.
 - e. Ngân Hàng Giám Sát thanh toán tiền cho Nhà đầu tư khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Đơn Vị Quỹ của Nhà đầu tư hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập, hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể và các trường hợp khác theo chi thị của Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
 - f. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát**
- a. Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết.
 - b. Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.
 - c. Được quyền nhận Giá dịch vụ giám sát và lưu ký phù hợp với hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp Luật.
- 3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chi thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt**

động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 37. Hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:
 - a. Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 - b. Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - c. Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - e. Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
3. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật.
5. Ngân Hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Khoản 4 của Điều này. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp Luật đối với mọi thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại Diện Quỹ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chi thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định NAV của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
7. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành, ngân hàng giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát gửi thông báo cho công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp này, ngân hàng giám sát có quyền chi thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của công ty quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại điều lệ quỹ.

Điều 38. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Ngân Hàng Giám Sát giải thể phá sản hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
 - b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
 - c. Quỹ bị giải thể;
 - d. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
2. Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám sát phải có thông báo trước ít nhất 6 (sáu) tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát chi có thể chấm dứt hợp đồng giám sát nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quỹ lựa chọn được hoàn thành.
3. Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của Pháp Luật.

Chương VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÓ LIÊN QUAN

Điều 39. Các hoạt động được ủy quyền

Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các dịch vụ khác được phép thuê bên thứ 3 theo luật quy định (khi phát sinh).

Điều 40. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp

Tổ chức được lựa chọn phải là tổ chức được Pháp Luật cho phép cung cấp dịch vụ đó. Nhân sự cung cấp dịch vụ phải có kinh nghiệm, được tập huấn cập nhật thường xuyên để đạt đến các tiêu chuẩn quốc tế chuyên nghiệp tốt nhất.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo

Tổ chức được lựa chọn làm đại lý chuyển nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với đại lý phân phối và nhà đầu tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với đại lý phân phối và Công Ty Quản Lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Nhà đầu tư, phù hợp với Pháp Luật và chuẩn mực quốc tế. Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và đại lý phân phối phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với Pháp Luật.

Điều 41. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

a. Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
- Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
- Xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

b. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Lập và quản lý Sổ Đăng Ký; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ Đăng Ký;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Pháp Luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của Pháp Luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 42. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
3. Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều Lệ này;
5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;
8. Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Công Ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.
10. Tối thiểu một năm một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
 - a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
 - b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
 - c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công Ty Quản Lý Quỹ);

- d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Điều 43. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
 - b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
 - c. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - d. Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
 - e. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - f. Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - g. Quỹ bị giải thể;
 - h. Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp Luật và hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

Chương IX

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 44. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng Chỉ Quỹ

Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm đại lý phân phối phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN. Công ty quản lý quỹ chỉ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối;
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực

hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

Điều 45. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:
 - a. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
 - b. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư;
 - c. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
 - d. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - e. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư;
 - f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
2. Hoạt động của đại lý ký danh:
 - a. Thực hiện chức năng đại lý phân phối quy định tại khoản 1 Điều này đối với nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của nhà đầu tư ;
 - b. Lập và quản lý sổ phụ đối với nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

- c. Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ nhà đầu tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;
- d. Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của đại lý phân phối theo quy định của pháp luật.

3. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với UBCKNN hoặc cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư.

Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ

1. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dãi hay mời chào nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng Chi Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua Chứng Chi Quỹ. Đại Lý Phân Phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi Nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ.
Đại Lý Phân Phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua Chứng Chi Quỹ, ngoài các mức Giá dịch vụ đã được công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
7. Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chi Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chi Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chi Quỹ khi phân phối Chứng Chi Quỹ cho nhà đầu tư.
8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chi Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.
9. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định pháp luật
10. Phương tiện để Đại Lý Phân Phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.
11. Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng, Đại Lý Phân Phối phải đảm bảo:
 - a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
 - b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;
 - c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;
 - d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết Nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;
 - đ) Đảm bảo Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính Đại Lý Phân Phối;
 - e) Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại khoản 1 Điều 45 Điều lệ này, khoản 5 và khoản 6 Điều này.
 - g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho Nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này;

- h) Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo Nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo Nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.
12. Công Ty Quản Lý Quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại Lý Phân Phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại Lý Phân Phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại Lý Phân Phối.

Chương X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 47. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng.

Điều 48. Công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên sẽ bắt đầu từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trong trường hợp, thời gian tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đến ngày 31 tháng 12 của năm còn dưới 3 (ba) tháng, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 50. Báo cáo tài chính

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ.
 Phù hợp với quy định tại Điều Lệ này, Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện công việc này. Mọi sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc của nhà cung cấp dịch vụ mà Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền. Ban Đại Diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.
2. Tất cả các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của Pháp Luật sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và giao hoặc gửi cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu của Pháp Luật.

Điều 51. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

Chương XI**GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ****Điều 52. Xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”)**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ để cung cấp dịch vụ xác định giá trị NAV theo quy định tại Điều 39 của Điều Lệ này. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định NAV là phù hợp với các quy định của pháp luật, giá trị NAV được tính chính xác.
2. NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi lỗi được phát hiện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận.
3. NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho nhà đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

Điều 53. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ

1. Phương pháp xác định NAV của Quỹ và NAV của một Đơn Vị Quỹ sẽ được quy định tại Sổ tay định giá. Phương pháp này được thay đổi khi pháp luật liên quan thay đổi.
2. Giá trị Tài sản ròng của quỹ được xác định bằng Tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi các khoản nợ phải trả của Quỹ bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Cụ thể Nguyên tắc xác định giá trị thị trường của từng loại Tài sản được quy định tại Phụ lục 4 đính kèm Điều lệ này.
3. Giá trị Tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch gần nhất trước đó. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.
4. Việc xác định Giá trị thị trường các tài sản của Quỹ thực hiện theo phương pháp quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.

Điều 54. Quy trình định giá tài sản Quỹ

Công ty Quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị ròng của một đơn vị quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều 53.

Trường hợp Công ty Quản lý quỹ uỷ quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định Giá trị tài sản ròng thì Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định Giá trị Tài sản ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật và Giá trị Tài sản ròng được tính chính xác.

Ngân hàng Giám sát xác nhận Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng của một đơn vị quỹ. Việc xác nhận giá trị phải được thực hiện bằng văn bản hoặc dưới hình thức điện tử khác có giá trị pháp lý tương đương phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp bị định giá sai bởi Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý quỹ điều chỉnh kịp thời Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

Điều 55. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp Giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn như sau:
 - a. Đạt từ 0,75% giá trị tài sản ròng trở lên trong trường hợp quỹ trái phiếu.
 - b. Đạt từ 1,00% giá trị tài sản ròng trở lên trong các trường hợp khác.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a. Đối với nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ Nhà đầu tư đã bán.
 - b. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - a. Đối với nhà đầu tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai.
 - b. Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng chỉ quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

CHƯƠNG XII

LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ

Điều 57. Phân phối lợi nhuận

- Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, Giá dịch vụ, lệ phí nếu Pháp Luật có yêu cầu trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

- Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi nhuận đã được thông qua phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp nhận trước Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp nhận của ban đại diện quỹ (nếu đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho ban đại diện quỹ quyết định phù hợp với quy định tại điều lệ quỹ).
- Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà đầu tư báo cáo phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền mặt và bằng Chứng chỉ quỹ, NAV trên Đơn Vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.
- Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

Điều 58. Chi phí hoạt động của Quỹ

- Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ
 - Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.
Giá dịch vụ quản lý quỹ VND AF là 1,5%NAV/năm.
Trong mọi trường hợp các mức Giá dịch vụ quy định tại Điều này sẽ tuân thủ mức tối đa theo quy định của pháp luật.
Trường hợp điều chỉnh Giá dịch vụ quản lý quỹ giảm do Công ty Quản lý quỹ quyết định. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo mức Giá dịch vụ mới với Ban đại diện quỹ và Ngân hàng giám sát đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.
 - Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
 - Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
 - Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì Giá dịch vụ quản lý quỹ trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng x NAV tại ngày định giá cuối tháng x số ngày thực tế còn lại trong tháng / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

2. Giá dịch vụ lưu ký, Giám sát

Giá dịch vụ Lưu ký, Giám sát được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, Giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ.

Mức giá dịch vụ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

3. Giá dịch vụ Quản trị Quỹ

a. Giá dịch vụ Quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng giám sát là: 0,03%/năm trên NAV, tối thiểu 15 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm VAT)

b. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

c. Công thức tính Giá dịch vụ Quản trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ Quản trị Quỹ cho kỳ định giá = tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

d. Trường hợp phải xác định NAV hàng tháng thì Giá dịch vụ Quản trị Quỹ được xác định như sau:

Giá dịch vụ Quản trị Quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ Quản trị Quỹ (năm) x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá dịch vụ Quản trị Quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ Quản trị Quỹ (năm) x NAV tại ngày định giá cuối tháng x số ngày thực tế còn lại trong tháng / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

4. Giá dịch vụ Đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chi tiết tại Bản cáo bạch.

5. Giá dịch vụ kiểm toán

Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

6. Phụ cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí này bao gồm các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ phục vụ cho lợi ích của Quỹ, các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

7. Chi phí môi giới, chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho Công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ phải trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm).

8. Chi phí in ấn dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của Quỹ theo quy định Pháp Luật;

Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban đại diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;

9. Giá dịch vụ định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chi khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;
10. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ pháp lý khác.
11. Các chi phí liên quan khác:
 - a. Lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ và lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ nộp cho cơ quan nhà nước;
 - b. Chi phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác được Pháp Luật cho phép;
 - c. Thuế và các loại giá dịch vụ bắt buộc của Chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
 - d. Các chi phí khác được Pháp Luật cho phép.

CHƯƠNG XIII

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 59. Các điều kiện để tái cơ cấu Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật theo quy định và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
2. Việc tách quỹ phải được đại hội nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
 - a. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b. Các sự kiện khác do Điều lệ Quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
3. Việc hợp nhất, sáp nhập, tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán chấp nhận...

Điều 60. Điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b. Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c. Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ và trong Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn (đối với Quỹ có thời hạn hoạt động);

- d. Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- e. Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Quỹ.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm thanh lý tài sản và phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định của Điều lệ và Pháp luật.

Điều 61. Kiểm soát xung đột lợi ích.

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý
 - Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Điều 62. Thông báo và công bố thông tin

1. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho Nhà đầu tư phải được gửi đến địa chỉ của Nhà đầu tư đăng ký trong Sổ Đăng Ký. Nhà đầu tư phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ về bất kỳ thay đổi liên quan đến địa chỉ.
2. Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là được chuyển khi thư có thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện. Tài liệu và thông báo sẽ được coi là đã gửi nếu trong thư chứa thông báo và tài liệu đã được ghi đúng địa chỉ và gửi đi.
3. Các thông báo và tài liệu gửi cho bất kỳ Nhà đầu tư sẽ được coi là gửi cho tất cả những Nhà đầu tư còn lại.
4. Các thông báo và tài liệu gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử được coi là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng số fax và địa chỉ thư điện tử của Nhà đầu tư đã được đăng ký tại Sổ Đăng Ký. Tài liệu có đóng dấu và chữ ký gốc đã gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử sẽ phải gửi bản gốc muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo đến địa chỉ thư tín đăng ký trong Sổ Đăng Ký.
5. Hàng tháng, hàng quý và hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà đầu tư danh sách giao dịch và số dư trên tài khoản, tiểu khoản và các báo cáo về thay đổi NAV của Quỹ. Với những Nhà đầu tư giao dịch bằng tài khoản ký danh, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông tin khi Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản. Báo cáo sẽ được gửi cho Nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không quá 5 (năm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ công bố trên trang điện tử của mình trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính Bản Cáo Bạch của Quỹ, Bản Cáo Bạch rút gọn, báo cáo tài chính bán niên, báo

cáo tài chính năm đã kiểm toán, báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý Quỹ bán niên và cả năm, báo cáo thống kê về Giá dịch vụ trong hoạt động đầu tư của Quỹ bán niên và cả năm, báo cáo về hoạt động của Quỹ bán niên và cả năm.

7. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 63. Sửa đổi, bổ sung của Điều Lệ

1. Điều Lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng Nghị Quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của Điều lệ.
2. Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với:
 - a. Bất cứ nội dung nào của Điều Lệ này nếu việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của Pháp Luật: Khi các quy định của Pháp Luật thay đổi làm bất cứ nội dung nào trong Điều Lệ này có thay đổi theo, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi nội dung có liên quan đó mà không cần phải có nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 - b. Chính sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều Lệ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết.
3. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 2 của Điều này sẽ phải báo cáo tới UBCKNN. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

Điều 64. Hiệu lực của Điều Lệ

1. Điều Lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày có Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ thông qua và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho thời hạn không xác định.
2. Đính kèm Điều lệ Quỹ các Phụ lục là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ như sau:

Phụ lục 1: Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ

Phụ lục 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát

Phụ lục 3: Cam kết chung của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.

Phụ lục 4: Nguyên tắc xác định giá trị thị trường của từng loại tài sản

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Hương

Phụ lục 1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư IPA Partner

Giấy phép số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/03/2008

Công Ty Quản Lý Quỹ theo đây xin cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đối với các Quỹ:

1. Tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ trong hoạt động quản lý Quỹ;
2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực và tận tụy và phù hợp với các mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;
3. Đảm bảo rằng Quỹ luôn có Ngân Hàng Giám Sát tại mọi thời điểm;
4. Đảm bảo rằng Ban Đại Diện Quỹ được thông báo về tất cả các thông tin có liên quan tới Quỹ được điều chỉnh bởi Điều Lệ này.
5. Thanh toán tất cả các khoản giá dịch vụ cho Ngân Hàng Giám Sát và các nhà cung cấp dịch vụ khác như quy định tại Điều lệ;
6. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho Ngân Hàng Giám Sát bao gồm các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ, bản đánh giá NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ và các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác;
7. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho các nhà cung cấp dịch vụ khác để hỗ trợ các nhà cung cấp này hoàn thành việc cung cấp dịch vụ theo quy định của Pháp Luật hoặc nếu nhà cung cấp có yêu cầu;
8. Cung cấp cho Nhà đầu tư bản in của Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, báo cáo thường niên và các báo cáo khác của Quỹ, báo cáo thường niên của Ngân Hàng Giám Sát về công tác quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ và tất cả các sửa đổi và bổ sung và các tài liệu có liên quan khác nếu Nhà đầu tư yêu cầu;
9. Không đầu tư vào các chứng khoán hoặc tài sản mà Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người liên quan có quyền lợi trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó trừ khi được Pháp Luật cho phép;
10. Luôn luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư và không lợi dụng vị thế là Công Ty Quản Lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của Nhà đầu tư;
11. Đảm bảo việc định giá và kế toán của các Quỹ là chân thực, chính xác và đúng thời hạn;
12. Đảm bảo rằng tất cả các thông tin được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ là hoàn chỉnh, trung thực và chính xác và không bỏ sót những sự kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà đầu tư hoặc những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của các thông tin được công bố nêu trên hoặc các thông tin phải công bố theo quy định của Pháp Luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.
13. Luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư và không lợi dụng vị thế của mình để thực hiện các giao dịch vi phạm Pháp Luật và thông lệ chuyên nghiệp quốc tế tốt nhất;
14. Cung cấp các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

15. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
16. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của Pháp Luật.

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA
PARTNER**



Phạm Minh Hương

Phụ lục 2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười hai (12) ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH

PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Mỹ Linh

Phụ lục 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư IPA Partner

Giấy phép số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/03/2008

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười hai (12) ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

IPAAM và BIDV Hà Thành cùng cam kết:

- 1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
- 2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
- 3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
- 4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Hương

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Mỹ Linh

Phụ lục 4

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TỪNG LOẠI TÀI SẢN

A - Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động với mức biến động và phương pháp xác định giá được quy định tại Điều lệ quỹ, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

7	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

11	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	<ul style="list-style-type: none"> Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
14	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất

		<p>trước ngày định giá; hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>
15	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
16	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
17	Chứng khoán phái sinh niêm yết	<p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và</p> <p>Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p>
18	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
19	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

		<ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
20	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
21	Bất động sản	Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất.
22	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam,...) để tham khảo;
- Tại phần này, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B - Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rùi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1.	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2.	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3.	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4.	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5.	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).